*Mẫu 02: Bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**XÃ HỒ THỊ KỶ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Xã Hồ Thị Kỷ, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

# BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2026

| Tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật | Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật | Mức độ đạt chuẩn theo quy định | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá | Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật | Chữ ký của công chức phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | (1) | (2) | (3) | (4) | |
| **Tiêu chí 1** | **Ban hành văn bản quy phạm pháp luật** | **Đạt 03/03 chỉ tiêu** | | | | |
| ***Chỉ tiêu 1*** | ***Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật*** | ***Đạt 01/01 nội dung*** | | | | |
| | Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 100% | - Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Hồ Thị Kỷ;<br>- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND xã , UBND xã Hồ Thị Kỷ | Đạt | | |
| ***Chỉ tiêu 2*** | ***Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm*** | ***Đạt 01/01 nội dung*** | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ***pháp luật*** | | | | | |
| | Tỷ lệ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật<br><br>Tỷ lệ % = (Tổng số dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100 | 100% | Đạt | Đạt | | |
| ***Chỉ tiêu 3*** | ***Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật*** | ***Đạt 01/01 nội dung*** | | | | |
| | Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật<br><br>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện tự kiểm tra theo quy định trong năm đánh giá) x 100 | 100% | Đạt | Đạt | | |
| **Tiêu chí 2** | **Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật** | | | | | |
| ***Chỉ tiêu 1*** | ***Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được*** | ***Đạt 02/02 nội dung*** | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ***công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin*** | | | | | |
| | 1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện | Có Danh mục thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thường xuyên | https://hothiky.camau.gov.vn/tiep-can-thong-tin | Đạt | | |
| | 2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin | Đăng tải Danh mục thông tin (cấp xã có Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (cấp xã chưa có Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc hình thức phù hợp khác | https://hothiky.camau.gov.vn/tiep-can-thong-tin | Đạt | | |
| ***Chỉ tiêu 2*** | ***Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin*** | ***Đạt 01/01 nội dung*** | | | | |
| | Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin<br><br>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công khai theo quy định trong năm đánh giá) x 100 | 100% | https://hothiky.camau.gov.vn/van-ban-qppl-hdnd-ubnd | Đạt | | |
| ***Chỉ tiêu 3*** | ***Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin*** | ***Đạt 01/01 nội dung*** | | | | |
| | Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình | 100% | Đạt | Đạt | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | thức theo quy định pháp luật.<br><br>*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp trong năm đánh giá) x 100*<br><br>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này) | | | | | |
| ***Chỉ tiêu 4*** | ***Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật*** | ***Đạt 02/02 nội dung*** | | | | |
| | 1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật | Kế hoạch được ban hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn | Đạt | Đạt | | |
| | 2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm<br><br>*Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100*<br><br>(Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này) | 100% | Đạt | Đạt | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Chỉ tiêu 5*** | ***Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*** | ***Đạt 01/01 nội dung*** | | | | |
| | | | | | | |
| | Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây:<br><br>- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến;<br><br>- Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;<br><br>- Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang thông tin điện tử);<br><br>- Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật (ít nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...);<br><br>- Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio…;<br><br>- Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật;<br><br>- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua | ≥ 02 hoạt động | Đạt | Đạt | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tin nhắn điện thoại;<br><br>- Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn. | | | | | |
| ***Chỉ tiêu 6*** | ***Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật*** | ***Đạt 03/03 nội dung*** | | | | |
| | 1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã | Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành | Đạt | Đạt | | |
| | 2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện<br><br>*Tỷ lệ %= (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện/Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100* | 100% | Đạt | Đạt | | |
| | 3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật<br><br>*Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn cấp xã) x 100* | ≥ 90% | Đạt | Đạt | | |
| ***Chỉ tiêu 7*** | ***Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý*** | ***Đạt 03/03 nội dung*** | | | | |
| | 1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý | Kế hoạch được ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các kế hoạch của Ủy | Đạt | Đạt | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ban nhân dân cấp xã | | | | |
| | 2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm<br><br>*Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch) x 100*<br><br>(Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này) | 100% | Đạt | Đạt | | |
| | 3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử) | Có chuyên mục chính sách, pháp luật và được cập nhật đầy đủ, kịp thời | Đạt | Đạt | | |
| **Tiêu chí 3** | **Hoà giải ở cơ sở** | **Đạt 03/03 chỉ tiêu** | | | | |
| ***Chỉ tiêu 1*** | ***Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở*** | ***Đạt 02/02 nội dung*** | | | | |
| | 1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở<br><br>*Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn cấp xã) x 100* (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này) | 100% | Đạt | Đạt | | |
| | 2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công | 100% | Đạt | Đạt | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở<br><br>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số hoà giải viên phải thực hiện bầu, công nhận, cho thôi trên địa bàn cấp xã) x 100<br><br>(Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được xác định là đạt chỉ tiêu này) | | | | | |
| ***Chỉ tiêu 2*** | ***Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở*** | ***Đạt 02/02 nội dung*** | | | | |
| | 1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở<br><br>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định) x 100<br><br>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này) | 100% | Đạt | Đạt | | |
| | 2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành<br><br>*Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định) x 100*<br><br>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này) | > 85% | Đạt | Đạt | | |
| ***Chỉ tiêu 3*** | ***Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá*** | ***Đạt 01/01 nội dung*** | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ***nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở*** | | | | | |
| | Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây:<br><br>- Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật.<br><br>- Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hoà giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở.<br><br>- Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên.<br><br>- Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở.<br><br>*Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100* | ≥ 80 | Đạt | Đạt | | |
| ***Chỉ tiêu 4*** | ***Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để*** | ***Đạt 04/04 nội dung*** | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ***triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở*** | | | | | |
| | 1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã | Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở | Đạt | Đạt | | |
| | 2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở | ≥ 90% | 100% | 100% | | |
| | 3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động đúng mức chi theo quy định | 100% | 100% | 100% | | |
| | 4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định | 100% | 100% | 100% | | |
| **Kết quả chung** (5) | | | | | | |

***Nơi nhận:***
- Thường trực Đảng uỷ xã (b/c);
- Các cơ quan giúp việc Đảng uỷ xã;
- Các phòng, ban, ngành xã;
- Trang thông tin điện tử xã (niêm yết);
- Lưu VT, Tr.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ HỒ THỊ KỶ T. CÀ MAU

**Nguyễn Thanh Nhàn**